

Ngày soạn	05/2/2024	05/2/2024	05/2/2024	05/2/2024
Lớp	9A	9B	9C	9D
Tiết	5	5	5	3
Ngày dạy	16/2/2024	20/2/2024	15/2/2024	16/2/2024
Điều chỉnh bổ sung				

Tiết 40**BÀI 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Xác định được các đặc điểm về vị trí, giới hạn lãnh thổ của vùng.
- Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ của vùng đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
- Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng.
- Phân tích được các đặc điểm dân cư xã hội của vùng.

2. Năng lực*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm dân cư xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Phân tích bản đồ tự nhiên của vùng để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: đề xuất các giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của vùng ĐBSCL

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Ý thức được việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc trong vùng phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu các đặc điểm tài nguyên thiên nhiên và dân cư của vùng.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những khu vực thường xuyên chịu nhiều thiên tai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của GV**

- Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1: Mở đầu (3 phút)****a) Mục đích:**

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về vị trí, đặc điểm tự nhiên, con người của Đồng bằng sông Cửu Long .
- Sử dụng kĩ năng đọc tranh ảnh để nhận biết các đặc điểm chính về thiên nhiên và con người của Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Nội dung:

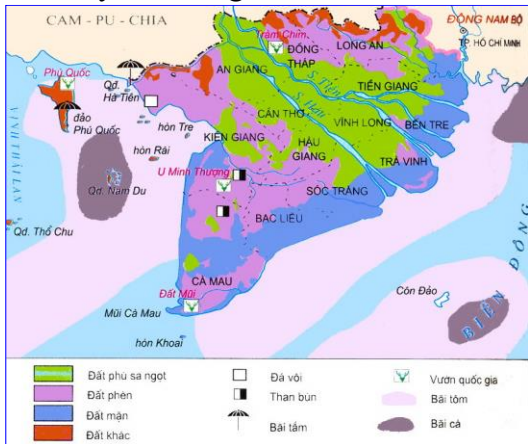
HS dựa vào hình ảnh nêu lên vùng kinh tế cuối cùng.

c) Sản phẩm:

HS quan sát ảnh và nêu được vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở khu vực nào?



Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS báo cáo kết quả (một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét)

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài

2. Hoạt động 1: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về vị trí, giới hạn lãnh thổ (10 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- Nêu được ý nghĩa của VTĐL đối với việc phát triển KT-XH.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long để trả lời các câu hỏi.

❖ **Nội dung chính:**

I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ :

- Diện tích: 39.734 km²
- Nằm ở phía tây vùng Đông Nam Bộ.
- Tiếp giáp:
- + Phía Bắc giáp Campuchia

+ Phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan

+ Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông

+ Phía Đông Bắc giáp Đông Nam Bộ.

- Ý nghĩa : thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển với các vùng và các nước.

c) *Sản phẩm*: HS trả lời các câu hỏi

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là 39.734 km²

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm những tỉnh thành phố: HS xác định trên lược đồ.

- Đặc điểm và xác định vị trí địa lí của vùng: Đây là vùng có diện tích tương đối lớn và 3 mặt giáp biển.

- Ý nghĩa vị trí địa lí: thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển với các vùng và các nước.

d) *Cách thực hiện*:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: GV yêu cầu hs đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 35.1 trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là bao nhiêu? - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm những tỉnh thành phố nào? - Nêu đặc điểm và xác định vị trí địa lí của vùng trên bản đồ? - Ý nghĩa vị trí địa lí của vùng? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Đại diện một số HS lên bảng xác định và trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 39.734 km² - Nằm ở phía tây vùng Đông Nam Bộ. - Tiếp giáp: <ul style="list-style-type: none"> + Phía Bắc giáp Campuchia + Phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan + Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông + Phía Đông Bắc giáp Đông Nam Bộ. - Ý nghĩa : thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển với các vùng và các nước.

2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long (20 phút)

a) *Mục đích*:

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

b) *Nội dung*:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

❖ **Nội dung chính:**

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :

- Giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp: đồng bằng rộng, đất phù sa, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, sinh vật phong phú đa dạng.

- Khó khăn: lũ lụt ; diện tích đất mặn, đất phèn lớn ; thiếu nước ngọt trong mùa khô

c) *Sản phẩm*: Hoàn thành các câu hỏi.

* **Nhóm 1, 4:** Đồng bằng sông Cửu Long có Ba loại đất chính là phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn. HS xác định sự phân bố.

* **Nhóm 2, 5:** Thuận lợi để sản xuất lương thực, thực phẩm:

- Địa hình đồng bằng rộng lớn nhất nước ta, tương đối thấp, khá bằng phẳng

- Khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm, mưa nhiều

- Hệ thống sông Cửu Long với các phụ và chi lưu cùng hệ thống kênh rạch là một bộ phận quan trọng về sản xuất và sinh hoạt

- Vùng có 3 mặt giáp biển, thêm lục địa rộng lớn, nhiều tiềm năng phát triển dầu khí, nuôi trồng đánh bắt thủy sản, du lịch...

- Hệ sinh thái đa dạng

*** Nhóm 3, 6:** Khó khăn:

- Nhiều diện tích đất phèn, đất mặn (cần cải tạo sử dụng tốt đất phèn, đất mặn)

+ Cải tạo bằng cách thu chua rửa mặn, chọn lọc và lai tạo các loại giống cây trồng thích ứng với tính chất chua mặn của đất

+ Lũ lụt phải tìm cách sống chung với lũ, xây dựng dự án thoát nước ra biển trong mùa lũ...

+ Sống chung với lũ bằng cách xây dựng các cụm dân cư vượt lũ ở nơi có điều kiện, làm nhà nổi, tăng cường khai thác thủy sản trong mùa lũ

- Mùa khô thiếu nước làm tăng nguy cơ nhiễm phèn, nhiễm mặn phải tăng cường các biện pháp thủy lợi.

d) Cách thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát lược đồ và yêu cầu các nhóm HS hoàn thành các câu hỏi.</p> <p>* Nhóm 1, 4: Dựa vào H35.1 hãy cho biết đồng bằng sông Cửu Long có các loại đất chính nào, phân bố ở đâu?</p> <p>* Nhóm 2, 5: Dựa vào H35.1 và 35.2 hãy cho biết thiên nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi gì để sản xuất lương thực, thực phẩm?</p> <p>* Nhóm 3, 6: Vùng có những khó khăn gì về điều kiện tự nhiên? Giải pháp gì để khắc phục khó khăn đó?</p> <p>Bước 2: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :</p> <p>- Giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp: đồng bằng rộng, đất phù sa, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, sinh vật phong phú đa dạng.</p> <p>- Khó khăn: lũ lụt ; diện tích đất mặn, đất phèn lớn ; thiếu nước ngọt trong mùa khô</p>

2.3. Đặc điểm dân cư và xã hội của vùng (5 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội của vùng

- Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của dân cư xã hội đối với sự phát triển của vùng.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và phân tích bảng số liệu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long để trả lời các câu hỏi.

❖ **Nội dung chính:**

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

- Đặc điểm: đông dân; ngoài người Kinh, còn có người Khơ-me, người Chăm, người Hoa.

- Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thị trường tiêu thụ lớn.

- Khó khăn: mật độ dân trí chưa cao.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

- Đặc điểm dân số, dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long:
 - + Dân số: 17,8 triệu người (2018) đứng thứ 2 sau đồng bằng sông Hồng
 - + Thành phần dân tộc chủ yếu người kinh, khome, Chăm, Hoa
 - Tình hình dân cư-xã hội của đồng bằng sông Cửu Long: Tình hình kinh tế phát triển cao hơn, người dân có kinh nghiệm tốt trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa.
 - Phát triển kinh tế ở ĐBSCL phải đi đôi với nâng cao dân trí, phát triển đô thị: Mật bằng dân trí (con người là yếu tố quyết định) và phát triển đô thị (cơ sở hạ tầng) có tầm quan trọng đặc biệt trong công cuộc đổi mới, nhất là xây dựng Miền Tây Nam Bộ trở thành vùng kinh tế động lực.
- d) Cách thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: GV yêu cầu hs đọc thông tin SGK và phân tích bảng số liệu để trả lời các câu hỏi:</p> <p>Bảng 3.1: Bảng số liệu một số tiêu chí về dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (SGK)</p> <p>- Hãy nêu đặc điểm dân số, dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long?</p> <p>- Dựa vào bảng 35.1 hãy nêu nhận xét tình hình dân cư-xã hội của đồng bằng sông Cửu Long?</p> <p>- Theo em, tại sao nói để phát triển kinh tế ở ĐBSCL phải đi đôi với nâng cao dân trí, phát triển đô thị?</p> <p>Bước 2: Các HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. Đặc điểm dân cư, xã hội</p> <p>- Đặc điểm: đông dân; ngoài người Kinh, còn có người Khơ-me, người Chăm, người Hoa.</p> <p>- Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thị trường tiêu thụ lớn.</p> <p>- Khó khăn: mật bằng dân trí chưa cao.</p>

Bảng số liệu một số tiêu chí về dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Tiêu chí	Đơn vị	Năm	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km ²	2017	435	283
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	%	2017	0,4	0,81
Tỉ lệ hộ nghèo	%	2016	5,2	5,8
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Nghìn đồng	2016	2777,6	3097,6
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	2017	93,4	95,1
Tuổi thọ trung bình	Năm	2019	75,0	73,6
Tỉ lệ dân số thành thị	%	2017	25,5	35,0

3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Câu 1: A Câu 2: B Câu 3: C Câu 4: C Câu 5: D

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Câu 1: Đồng bằng sông Cửu Long được hình thành chủ yếu do sự bồi đắp phù sa của hai con sông nào ?

A. Sông Tiền và sông Hậu.

B. Sông Tiền và sông Đồng Nai.

C. Sông Hậu và sông Đồng Nai.

D. Sông Đồng Nai và sông Ông Đốc.

Câu 2: Loại đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phù sa ngọt.

B. đất phèn.

C. đất mặn.

D. đất than bùn.

Câu 3: Tính chất đặc trưng của khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long là

A. có mùa đông lạnh.

B. có đầy đủ ba đai khí hậu.

C. có một mùa mưa và mùa khô kéo dài.

D. biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 4: Mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long kéo dài

A. từ tháng V đến tháng X.

B. từ tháng IX đến tháng XII.

C. từ tháng XI đến tháng IV năm sau.

D. từ tháng XII đến tháng IV năm sau.

Câu 5: Ý nào sau đây không đúng về đặc điểm sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Nhiều nước, giàu phù sa.

B. Sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

C. Chế độ nước sông theo mùa.

D. Độ dốc của lòng sông lớn.

Bước 2: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: GV chốt lại kiến thức của bài.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Qua tìm hiểu thực tế và thông tin trên Internet, hãy phân tích những hậu quả của tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bước 2: HS suy nghĩ trả lời

Bước 3: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 4: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.